

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **06-7-2022**

“Về việc: **Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Trần Mạnh Trí.**

*Các hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Huỳnh Thị Yến.**

**2. Ông Phan Duy Bản.**

**- Thư ký phiên tòa:** **Ông Biện Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:** **Ông Nguyễn Hữu Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày **06** tháng **7** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **81/2022/TLST-HNGĐ**, ngày **01/03/2022**, về việc “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **26/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày **27** tháng **4** năm **2022**; Quyết định hoãn phiên tòa số **19/2022/QĐST-HNGĐ** ngày **06/5/2022** và Thông báo mở lại phiên tòa số **15/TB-TA** ngày **20/5/2022**; Quyết định hoãn phiên tòa số **32/2022/QĐST-HNGĐ** ngày **06/6/2022** và Thông báo mở lại phiên tòa số **29/TB-TA** ngày **21/6/2022**, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1982; (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh Lê Quốc L, sinh năm 1979; vắng mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Lê Quốc T1, sinh ngày 16/4/2006 và cháu Lê Quốc T2, sinh ngày 22/5/2011 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn 3, xã HK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thu và anh Lê Quốc L chung sống với nhau có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay cãi nhau. Thời gian đầu vì vợ chồng có con nhỏ nên chị Thu chịu đựng và bỏ qua cho anh Lợi. Tuy nhiên từ tháng 10/2021 chị Thu và anh Lợi xảy ra gây gổ gay gắt do anh Lợi hay ghen tuông vô cớ rồi kiếm chuyện gây gổ xúc phạm chị Thu. Chị Thu đã làm đơn khởi kiện ly hôn với anh Lợi nhưng rồi anh Lợi hứa hẹn không kiếm chuyện nữa, đồng thời chị nghĩ đến tương lai của các con nên đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, nhưng sau đó anh Lợi vẫn không thay đổi, vẫn kiếm chuyện gây gổ với chị. Hiện nay chị Thu xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Lợi nữa nghị Tòa án nên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lợi.

*Về con chung:* Chị Thu và anh Lợi có 03 người con chung tên là Lê Quốc Thắng, sinh năm 2003; Lê Quốc Tùng, sinh ngày 16/4/2006; Lê Quốc Tâm, sinh ngày 22/5/2011. Đối với cháu Thắng hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Thu không có yêu cầu gì. Nếu được ly hôn, chị Thu yêu cầu Tòa án giao cháu Tùng và cháu Tâm cho chị Thu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con thành niên.

*Về tài sản chung:* **Chị Thu** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị thu trình bày vợ chồng chị không có nợ chung.

*Theo biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn - anh Lê Quốc L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lợi và chị Nguyễn Thị Lệ T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã HK** vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa anh Lợi và chị Thu có xảy ra xích mích, nguyên nhân xuất phát từ việc anh Lợi có quen một bạn gái trên mạng xã hội, chị Thu có bắt gặp được trong lúc anh Lợi nhắn tin qua lại với bạn gái nhưng trên thực tế thì giữa anh Lợi và cô gái đó không có tình ý gì cả mà chỉ quen biết chơi chữ chưa gặp nhau lần nào. Vì lý do này mà chị Thu làm đơn ly hôn. Bản thân anh Lợi không muốn mất gia đình, con cái thiếu cha, mẹ nên anh Lợi không đồng ý ly hôn với chị Thu.

*Về con chung:* Anh Lợi và chị Thu có 03 người con chung tên là Lê Quốc Thắng, sinh năm 2003; Lê Quốc Tùng, sinh ngày 16/4/2006; Lê Quốc Tâm, sinh ngày 22/5/2011. Nếu được ly hôn, anh Lợi yêu cầu Tòa án giao 03 người con chung cho anh Lợi được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lợi không yêu cầu chị Thu phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* **Anh Lợi** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh Lợi trình bày vợ chồng không có nợ chung.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Cháu Lê Quốc Tùng và cháu Lê Quốc Tâm trình bày:*

Mặc dù cháu Tùng và cháu Tâm không mong muốn cha mẹ ly hôn nhưng nếu cha và mẹ ly hôn, không còn ở chung với nhau nữa thì cháu Tâm và cháu Tùng mong muốn được ở với mẹ

*Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã HK; giấy khai sinh mang tên Lê Quốc Thắng, Lê Quốc Tùng và Lê Quốc Tâm; Bản sao có chứng thực căn cước công dân và sổ hộ khẩu của chị Thu; bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân của anh Lê Quốc L.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Thu và anh Lợi tại địa phương xã HK vào ngày 25/4/2022.

*Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Lê Quốc L.

+ Về con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên là Lê Quốc Tùng, sinh ngày 16/4/2006; Lê Quốc Tâm, sinh ngày 22/5/2011 cho chị Thu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Lê Quốc L được quyền thăm nom chăm sóc con và có phải cấp dưỡng tiền nuôi hai người con chị Nguyễn Thị Lệ T mỗi tháng 2.000.000đ/2con/tháng cho đến khi các con thành niên.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Thu đã nộp. Anh Lê Quốc L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T và bị đơn anh Lê Quốc L đều vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Lệ T** yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, ngoài ra trong vụ án không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là **“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”** theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại xã HK, **huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Lệ T**, Hội đồng xét xử nhận định:

**Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Lê Quốc L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK vào năm 2004, theo giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 25/10/2004.** Do đó quan hệ hôn nhân của **chị Thu và anh Lợi** là hợp pháp. Vì vậy, **chị Thu** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. **Chị Thu** trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay cãi nhau. Thời gian đầu vì vợ chồng có con nhỏ nên chị Thu chịu đựng và bỏ qua cho anh Lợi. Tuy nhiên từ tháng 10/2021, chị Thu và anh Lợi xảy ra gây gổ gay gắt do anh Lợi hay ghen tuông vô cớ rồi kiểm chuyện gây gổ xúc phạm chị Thu. Chị Thu đã làm đơn khởi kiện ly hôn với anh Lợi nhưng rồi anh Lợi hứa hẹn không kiểm chuyện nữa, đồng thời chị cũng nghĩ đến tương lai của các con nên đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên sau đó anh Lợi vẫn không thay đổi vẫn kiểm chuyện gây gổ với chị như trước đây. Thể hiện tại biên bản lấy lời khai trong quá làm việc, anh Lợi không đồng ý ly hôn với chị Thu, tuy nhiên anh Lợi thừa nhận thời gian gần đây anh Lợi và chị Thu cũng xảy xích mích, mâu thuẫn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên hòa giải giữa chị Thu và anh Lợi nhưng chị Thu không có nguyện vọng hòa giải với anh Lợi, chị có

đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Từ những điều đó cho thấy vợ chồng chị Thu và anh Lợi phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Để cho chị Thu có điều kiện ổn định cuộc sống cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thu, cho chị Thu được ly hôn với anh Lợi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị Thu và anh Lợi có 03 người con chung tên là Lê Quốc Thắng, sinh năm 2003; Lê Quốc Tùng, sinh ngày 16/4/2006; Lê Quốc Tâm, sinh ngày 22/5/2011. Đối với cháu Thắng hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Thu không có yêu cầu gì. Nếu được ly hôn, chị Thu yêu cầu Tòa án giao cháu Tùng và cháu Tâm cho chị Thu được trực tiếp thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Xét thấy, chị Thu có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tùng và cháu Tâm, đồng thời cháu Tùng và cháu Tâm có đều có nguyện vọng được ở với chị Thu nên cần chấp nhận của chị Thu, cả hai giao cháu Tùng và cháu Tâm cho chị Thu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thu yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi hai người con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thành niên. Xét thấy anh Lợi hiện nay không có công việc và thu nhập không ổn định. Căn cứ vào thu nhập thực tế của anh Lợi và nhu cầu thiết yếu của các con chưa thành niên, cần chấp nhận buộc anh Lợi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con cho chị Thu mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

[3.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] *Về án phí*: Cần buộc **chị Thu** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh Lê Quốc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] *Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận*: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

### Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147, khoản 1, khoản 4 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;



- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Lệ T.

*[1] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Lê Quốc L.

*[2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho chị Nguyễn Thị Lệ T có trách nhiệm trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) người con chung tên là Lê Quốc Tùng, sinh ngày 16/4/2006 và Lê Quốc Tâm, sinh ngày 22/5/2011 đến khi thành niên. Anh Lê Quốc L được quyền thăm nom, chăm sóc con và phải cấp dưỡng tiền nuôi con chị Nguyễn Thị Lệ T mỗi tháng 2.000.000 đồng (Mỗi người con là 1.000.000đ/tháng) cho đến khi các con thành niên. Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*[3]. Về án phí:* Buộc **chị Nguyễn Thị Lệ T** phải chịu **300.000 đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào **300.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0007767** ngày **01/3/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, **chị Thu** đã nộp đủ tiền án phí; Anh Lê Quốc Lợi phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*[4]. Về quyền kháng cáo:* **Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tánh Linh;
- UBND xã HK;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Trí**